TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 632/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14 / 11 / 2019.
V/v: Tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Nhơn.**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Thành Trại.**
Bà **Phan Thị Quý.**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phục -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Duy Ngọc Thái**- kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 620/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2019/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Xuân Đ,** sinh năm 1980. Địa chỉ: 22/1 LTK, khu phố 10, phường 4, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Văn C,** sinh năm 1976. Địa chỉ: 133/7 ấp NT, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn ngày 21 tháng 8 năm 2019, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Xuân Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Văn C kết hôn lần hai, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/8/2018 tại Ủy ban nhân phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn lại, giữa chị và anh C vẫn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hòa hợp được. Hiện nay chị và anh C vẫn còn sống chung nhà, nhưng đã ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Nay chị yêu cầu

được ly hôn với anh Huỳnh Văn C.

- Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung tên Huỳnh Lê Xuân N, sinh ngày 23/12/2013 và Huỳnh Lê Lộc X, sinh ngày 19/11/2018, hiện hai con do chị nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Huỳnh Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh C không cung cấp cho Tòa án ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Đ, không tham dự các hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ. Giao 02 con chung tên tên Huỳnh Lê Xuân N, sinh ngày 23/12/2013 và Huỳnh Lê Lộc X, sinh ngày 19/11/2018 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Chị Đ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Huỳnh Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Huỳnh Văn C.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là "ly hôn".

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Xuân Đ xét thấy:

Chị Lê Thị Xuân Đ và anh Huỳnh Văn C Corre kết hôn lần hai, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/8/2018 tại Ủy ban nhân phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, sau khi kết hôn lại, giữa chị Đ và anh C không tìm được tiếng nói chung của vợ chồng trong cuộc sống mà vẫn bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị Đ và anh C đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân chị Đ và anh C không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh C không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Đ, điều đó chứng tỏ anh C cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Đ và anh C không còn, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh C là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về con chung: Chị Đ và anh C có 02 con chung tên Huỳnh Lê Xuân N, sinh ngày 23/12/2013 và Huỳnh Lê Lộc X, sinh ngày 19/11/2018, khi ly hôn chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con. Xét thấy, cháu Huỳnh Lê Xuân N và Huỳnh Lê Lộc X còn nhỏ, cháu X mới 12 tháng tuổi, do hai cháu còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo hai cháu được ổn định, phát triển bình thường về tâm sinh lý, do đó Hội đồng xét xử giao 02 con chung tên Huỳnh Lê Xuân N và Huỳnh Lê Lộc X cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị Xuân Đ phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[5] Xét ý kiến của đại diện viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Xuân Đ.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Xuân Đ được ly hôn với anh Huỳnh Văn C.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Huỳnh Lê Xuân N, sinh ngày 23/12/2013 và Huỳnh Lê Lộc X, sinh ngày 19/11/2018 cho chị Lê Thị Xuân Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Văn C chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ chưa có yêu cầu.

Anh Huỳnh Văn C được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Xuân Đ chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Lê Thị Xuân Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 01231 ngày 27/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, do đó xem như đã nộp xong án phí.

4. Chị Lê Thị Xuân Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Huỳnh Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận th hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Trần Văn Nhơn